TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27-12-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thôn;

Ông Nguyễn Văn Thắng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Phan Xuân Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2023/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1100/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 1208/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thùy T, địa chỉ: Số T, phường A, quận , thành phố Hải Phòng (vắng mặt tại phiên tòa).

- *Bị đơn*: Anh Trịnh Đình C, địa chỉ: Thôn Q, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 09 năm 2023 và các bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thuỳ T trình bày:

Chị Nguyễn Thuỳ T và anh Trịnh Đình C xây dựng hạnh phúc trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 14 tháng 01 năm 2015. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, thậm chí đánh nhau, không tôn trọng nhau. Anh C không quan tâm, chăm sóc vợ, con. Vợ chồng mâu thuẫn, chị T đưa con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở số T, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng từ năm 2021 đến nay, vợ chồng ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị T được ly hôn anh C. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trịnh Minh K, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2015 và Trịnh Trúc L, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2018. Chị T đề nghị được nuôi hai con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trịnh Đình C mặc dù đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình về vụ án nhưng anh Trịnh Đình C không đến Tòa án nên không có lời khai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đã tuân thủ quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh C không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị T được ly hôn anh C; về con chung: Giao con Trịnh Minh K, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2015 và Trịnh Trúc L, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2018 cho chị T nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh C. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con đối với anh C. Anh C có nơi cư trú tại thôn Q, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh C.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thuỳ T và anh Trịnh Đình C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 14 tháng 01 năm 2015 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách, lối sống không phù hợp, không tìm được tiếng nói chung, không tôn trọng nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không quan tâm đến nhau. Quá trình xác minh tại địa phương và gia đình thể hiện mâu thuẫn giữa chị T và anh C đã đến mức trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Do đó, chị T xin ly hôn anh C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh C có 02 con chung là Trịnh Minh K, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2015 và Trịnh Trúc L, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2018. Chị T có nguyện vọng được nuôi con. Anh C không đến Tòa án nên không có ý kiến về vấn đề con chung. Xét chị T đang trực tiếp nuôi hai con, chị T có công việc, thu nhập, nơi ở ổn định, bố mẹ đẻ chị T sẵn sàng giúp đỡ chăm sóc các con. Cháu K đã trên 7 tuổi có đơn đề nghị ở với chị T, cháu L còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cho chị T được nuôi hai con là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chị Nguyễn Thuỳ T được ly hôn anh Trịnh Đình C.

2. Về con chung: Giao con Trịnh Minh K, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2015 và Trịnh Trúc L, sinh ngày 29 tháng 8 năm 2018 cho chị Nguyễn Thuỳ T nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thuỳ T không yêu cầu anh Trịnh Đình C cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thuỳ T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thuỳ T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005770 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thuỳ T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thuỳ T và bị đơn anh Trịnh Đình C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hải